



CHIU YEE LIONA POON

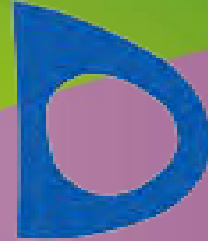
PHÓ GIÁO SƯ – BÁC SĨ

Khoa Y

*Trường Đại học Trung Hoa
tại Hồng Kông*

HỘI NGHỊ SẢN PHỤ KHOA
VIỆT - PHÁP - CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
LẦN THỨ
TP. HỒ CHÍ MINH, 19 & 20/5/2016

16



Tiên lượng khởi phát chuyển dạ thành công

Liona Poon

Phó giáo sư

MBBS MRCOG MD(Res)

香港中文大學醫學院

Faculty of Medicine

The Chinese University of Hong Kong



KPCD ở tuổi thai 35⁺⁰ - 42⁺⁶ tuần

Chiều dài kênh CTC (tính bằng mm)

Yếu tố của mẹ:

Tương tự nhau

Tuổi mẹ

BMI

Tuổi thai

822 trường hợp đơn thai

Thai quá ngày (n=370)
Tăng huyết áp (n=105)
SGA / LGA (n=131)
Bệnh lý của mẹ (n=62)
Ối vỡ non (n=58)
yêu cầu của mẹ (n=50)
Past obstetric Hx (n=24)
APH (n=22)

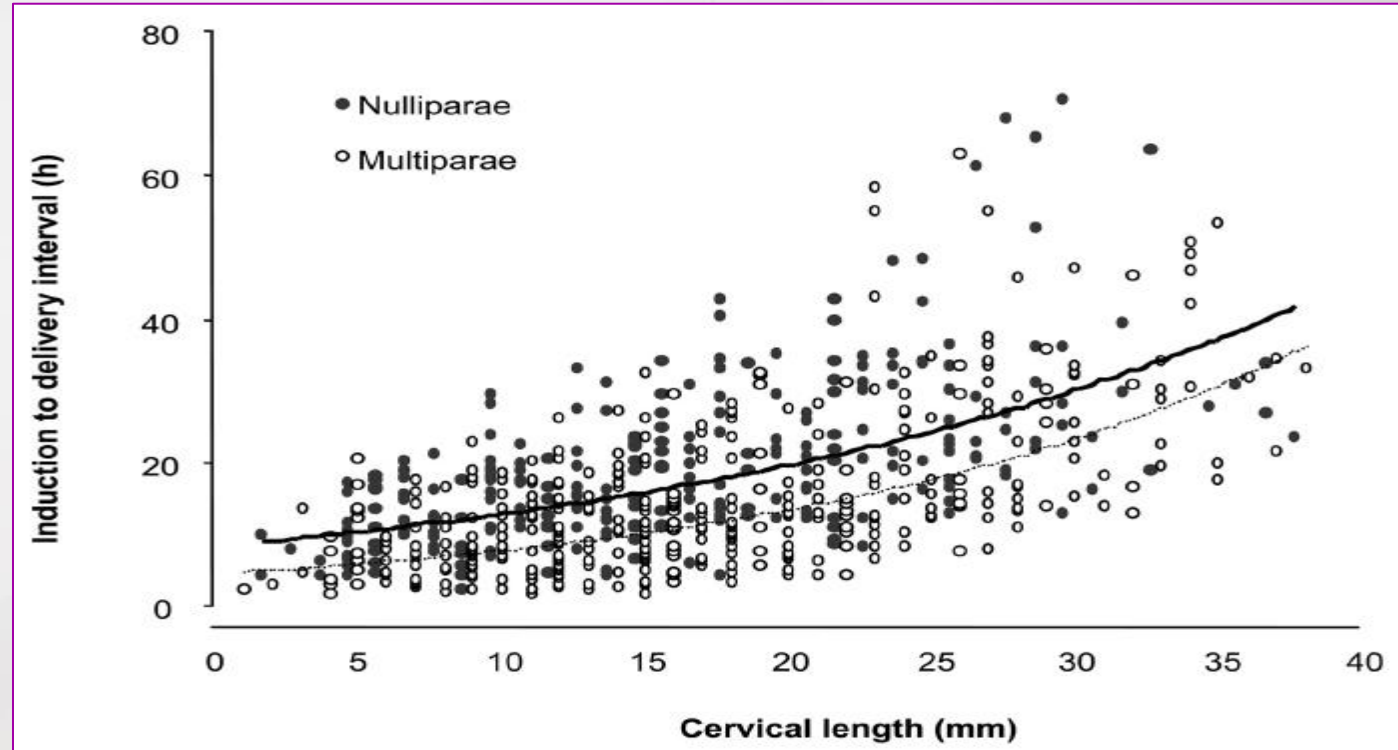
Sanh ngả âm đạo trong vòng 24 giờ: 530 trường hợp (64.5%)
MLT trong vòng 24h do suy thai ở 54 cas & CD ngưng tiến triển ở 28 cas (10.0%)
MLT do suy thai ở 70 cas & CD ngưng tiến triển ở 91 cas (19.6%)

Mục đích - Để kiểm tra ảnh hưởng của tuổi thai, BMI, tuổi mẹ, chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD, có ảnh hưởng tương đương với:

1. Khoảng thời gian từ lúc KPCD đến lúc sanh
2. Khả năng chuyển dạ sanh ngả âm đạo trong 24 giờ.
3. Nguy cơ mổ lấy thai

Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Khoảng thời gian từ lúc KPCD đến lúc sinh



Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Các mô hình tiên lượng



Kết quả	KPCD đến lúc sinh trong vòng 24h Hazard ratio (95% CI)	Sinh ngã âm đạo trong vòng 24h Odds ratio (95% CI)	MLT do CD ngưng tiến triển Odds ratio (95% CI)
Chiều dài kênh CTC	0.89 (0.88-0.90)	0.86 (0.84-0.88)	1.11 (1.07-1.14)
Các đặc điểm tương tự			
Con so	1.00	1.00	1.00
Con rạ	2.39 (1.98-2.88)	3.59 (2.47-5.22)	0.26 (0.15-0.43)
Tuổi thai	1.13 (1.07-1.20)	1.19 (1.07-1.32)	0.83 (0.73-0.96)
BMI			
< 30			1.00
≥ 30			2.07 (1.27-3.37)
Tuổi mẹ			1.05 (1.00-1.09)
Cân nặng lúc sinh	0.995 (0.99-0.998)		



Thai quá ngày: 40⁺⁴ - 41⁺⁶ tuần

2,316 trường hợp đơn thai

Ngôi thai

Ước lượng cân thai

Lượng nước ối

SA màu động mạch rốn

Chiều dài kênh CTC (tính bằng mm)

KPCD <7 ngày

452 (19.5%)

Chỉ định dùng thuốc (n=87)

Yêu cầu sản phụ (n=340)

1,864

CD tự nhiên <10d ở 1,536 ca (82.4%)

KPCD trong 7-10d ở 328 ca (17.6%)

Mục đích - tiên lượng khả năng của:

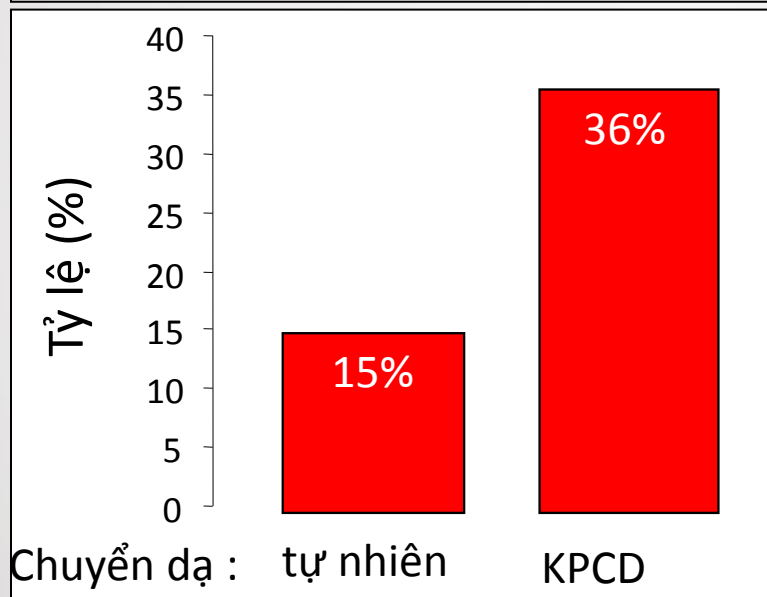
1. Khả năng chuyển dạ tự nhiên trong 10 ngày tiếp theo
2. Sinh ngã âm đạo sau chuyển dạ tự nhiên hay KPCD

Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

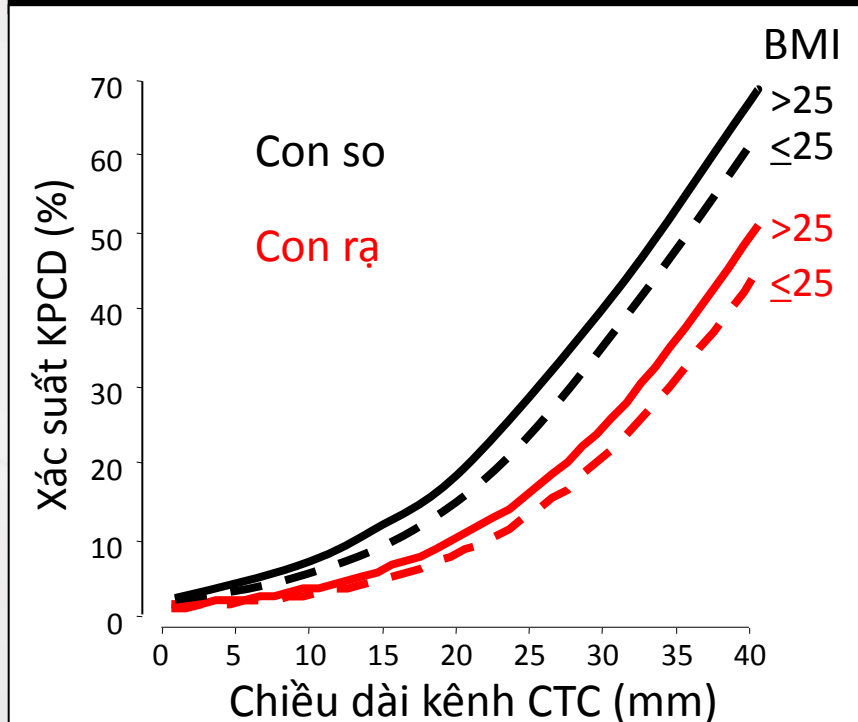
Chuyển dạ sinh

CD tự nhiên <10 ngày: 82.4%

KPCD trong 7-10 ngày: 17.6%

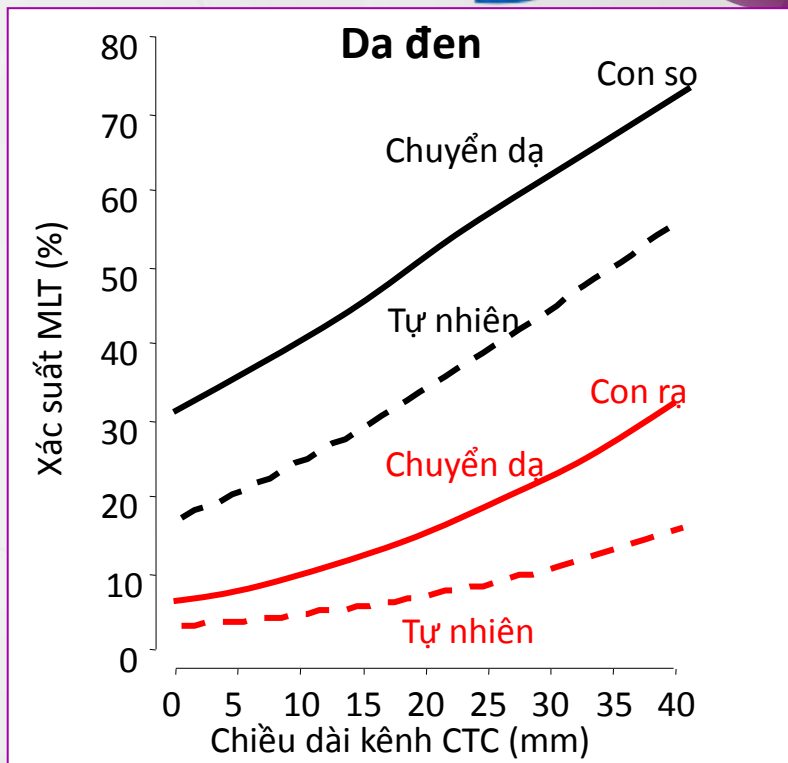
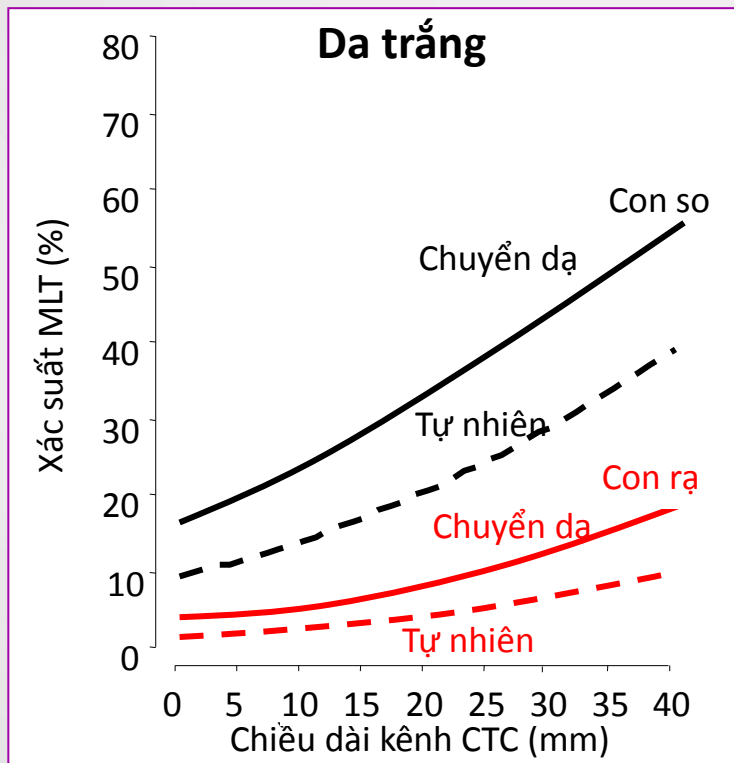


Cần phải KPCD



Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Tiền lượng MLT





Chuyển dạ tự nhiên 80%

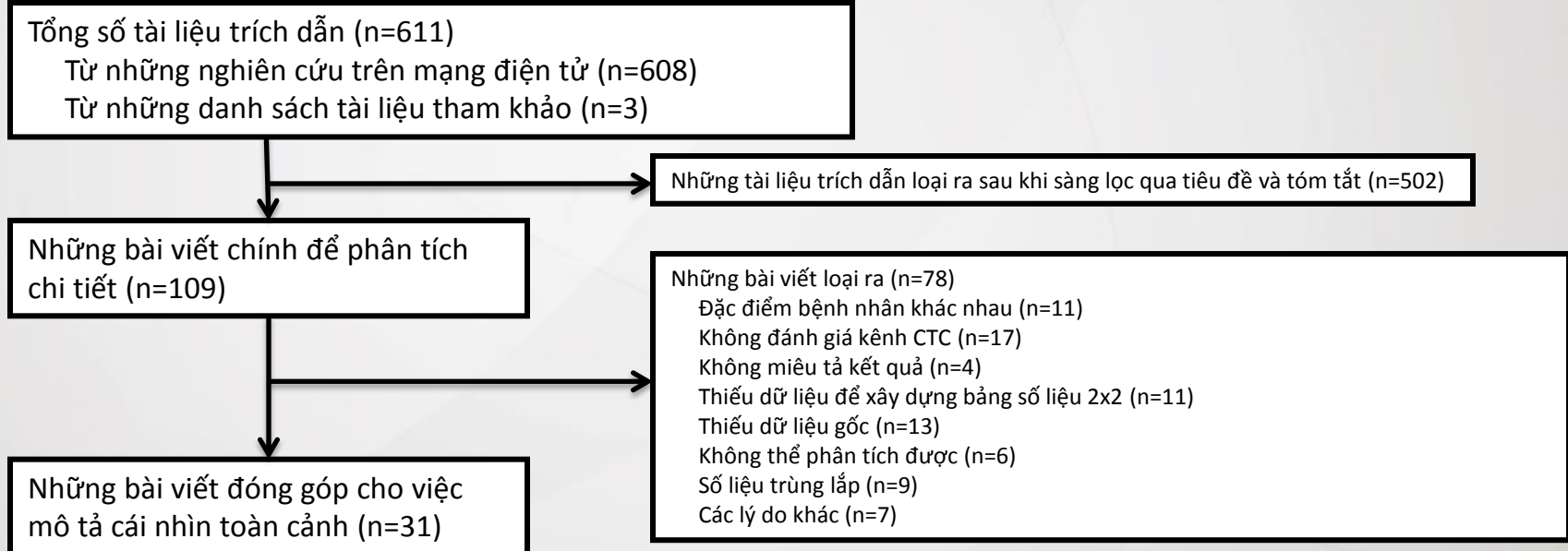
CTC ngắn, con rạ, ốm

Tỷ lệ MLT 20%

Kênh CTC dài, KPCD, da đen,
con so, béo phì

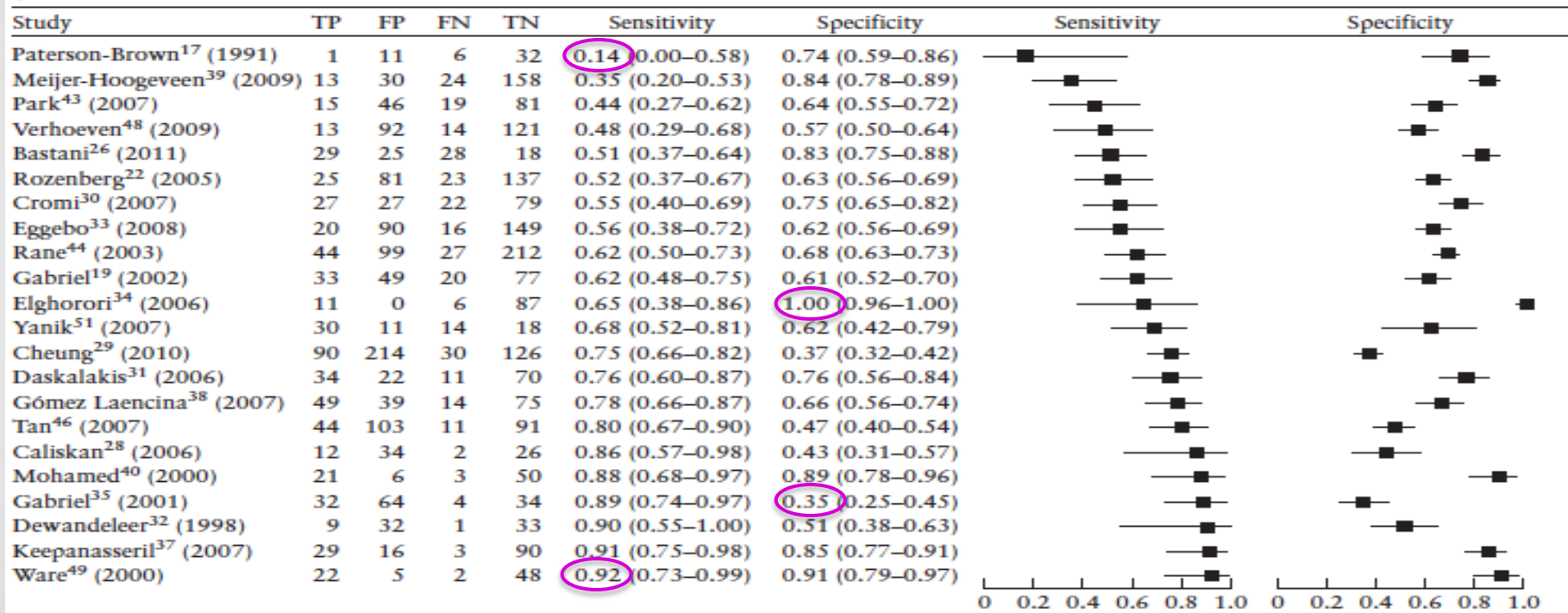


Đưa ra cái nhìn toàn cảnh & phân tích gộp để đánh giá khả năng tiên lượng chiều dài kênh CTC cho kết quả KPCD



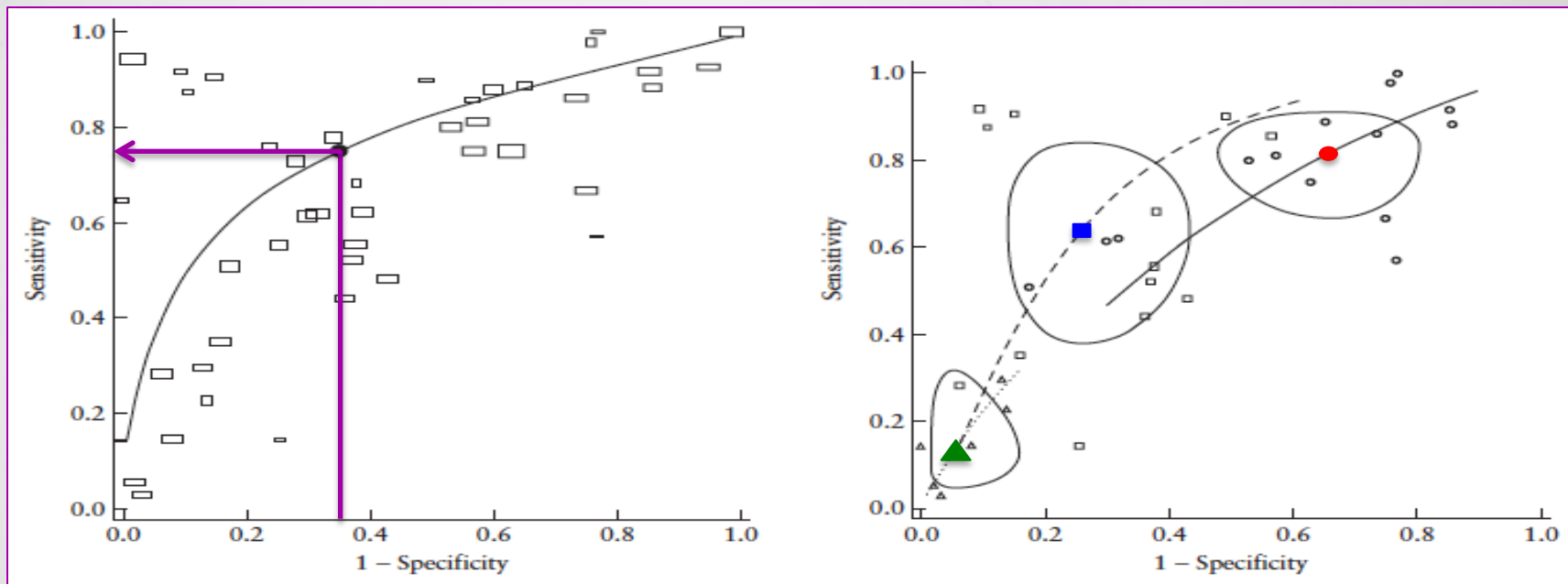
Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Tiên lượng MLT



Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Tiên lượng MLT



Kênh CTC 20 mm: DR 82% FPR 66% LR+ 1.2 LR- 0.53

Kênh CTC 30 mm: DR 64% FPR 26% LR+ 2.5 LR- 0.49

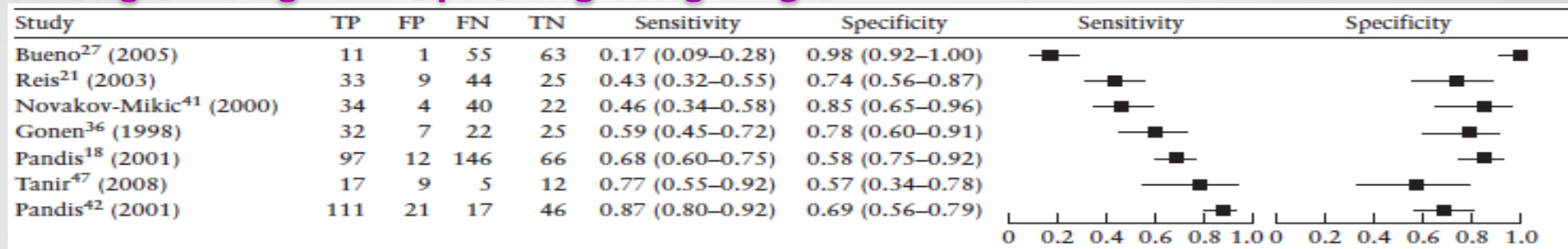
Kênh CTC 40 mm: DR 13% FPR 5% LR+ 2.6 LR- 0.92

Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

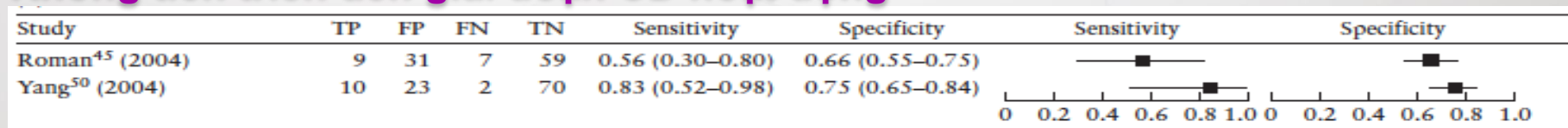
Tiên lượng chuyển dạ và sinh



Không sinh ngã âm đạo trong vòng 24 giờ

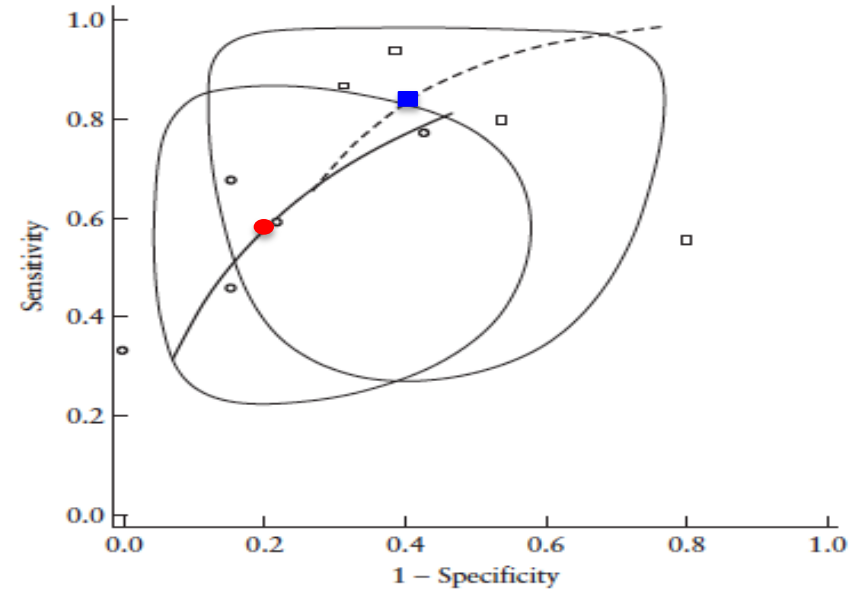
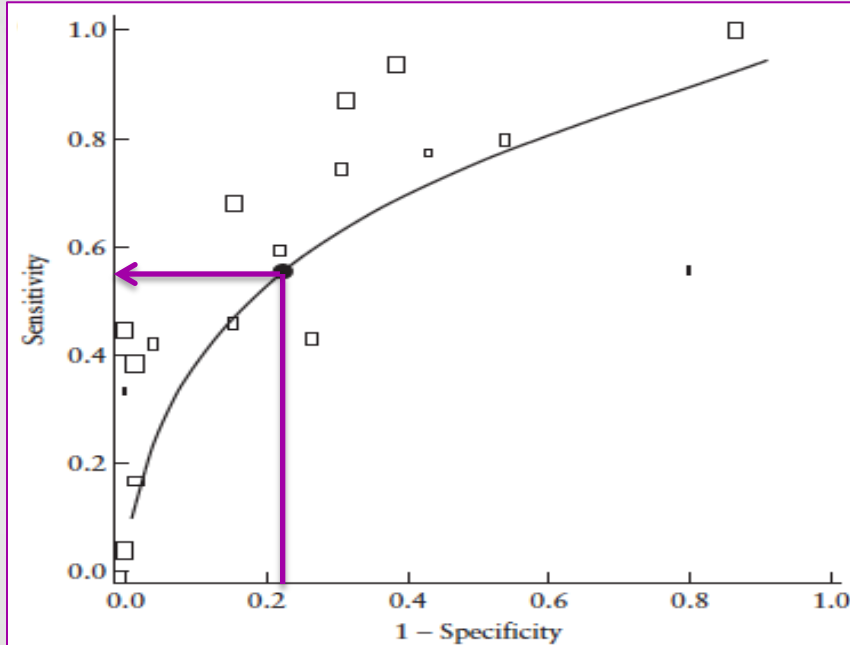


Không tiến triển đến giai đoạn CD hoạt động



Chiều dài kênh cổ tử cung trước KPCD

Tiên lượng không sinh ngã âm đạo



Kênh CTC 25 mm: DR 58% FPR 20% LR+ 2.9 LR- 0.53

Kênh CTC 32 mm: DR 84% FPR 40% LR+ 2.1 LR- 0.27

Siêu âm đàn hồi trước chuyển dạ

Tiền lượng KPCD (IOL) thành công



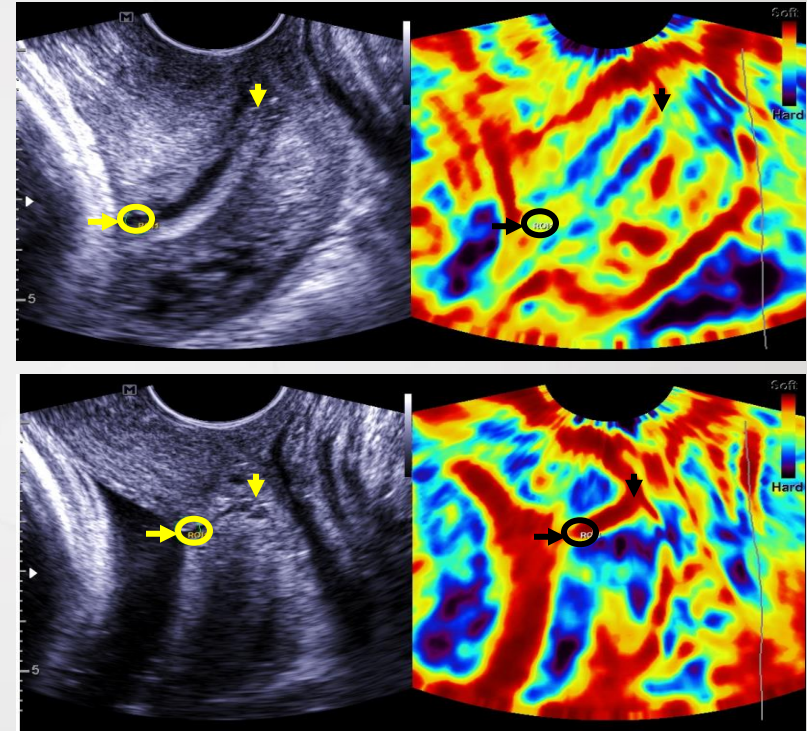
KPCD thất bại KPCD thành công

Swiatkowska-Freund 2011

	n=16	n=13
Siêu âm đàn hồi		
Bên trong os	0.39	1.23 *
Kênh CTC	1.17	1.13
Bên ngoài os	111	1.00

Fruscalzo 2015

	n=4	n=73
Mô CTC căng giãn	0.6	0.8 *



Góc độ tiến triển (AOP) trước chuyển dạ

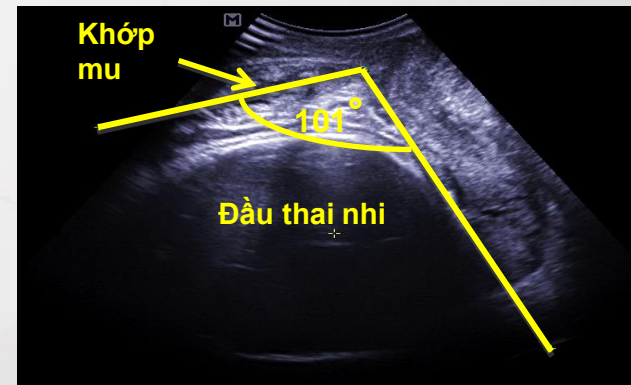
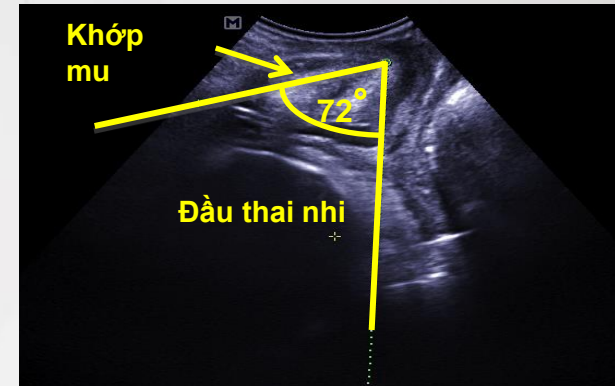
Tiên lượng sinh ngã âm đạo

AOP cung cấp kết quả đánh giá siêu âm về vị trí đầu thai.

Một số nghiên cứu những phụ nữ trong chuyển dạ cho thấy khi góc này lớn thì sẽ có nhiều khả năng sinh ngã âm đạo hơn.

AOP đánh giá trên 100 trường hợp con so và 71 con rạ chưa vào chuyển dạ ở tuổi thai 39-42 tuần:

- Trong số phụ nữ sinh ngã âm đạo (n=161), AOP ở con rạ hẹp hơn con so (98° so với 104°)
- Ở sản phụ sinh con rạ, AOP trung bình ở những trường hợp MLT hẹp hơn (90° với 104°); một góc AOP $\geq 95^\circ$ sẽ sinh ngã âm đạo ở 99% trường hợp và 89% trường hợp phụ nữ sinh mổ có góc AOP $< 95^\circ$





KPCD ở tuổi thai 35⁺⁰ - 42⁺⁶ tuần

Chiều dài kênh CTC (mm)

Chỉ số siêm âm đàn hồi

Góc độ tiến triển AOP

Các yếu tố của mẹ

99 thai kỳ đơn thai

Thai quá ngày (n=56)
Tăng huyết áp (n=17)
Đái tháo đường (n=16)
Khác (n=10)

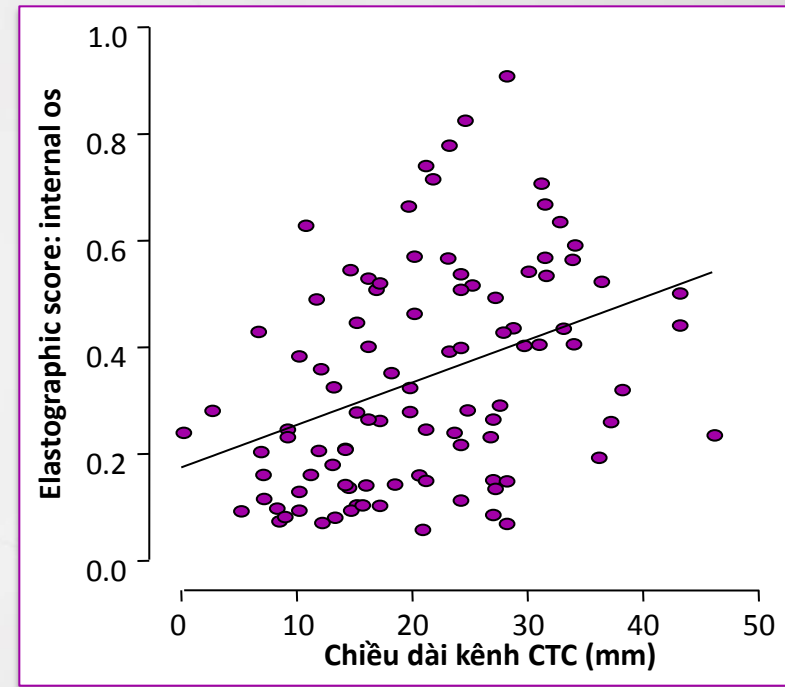
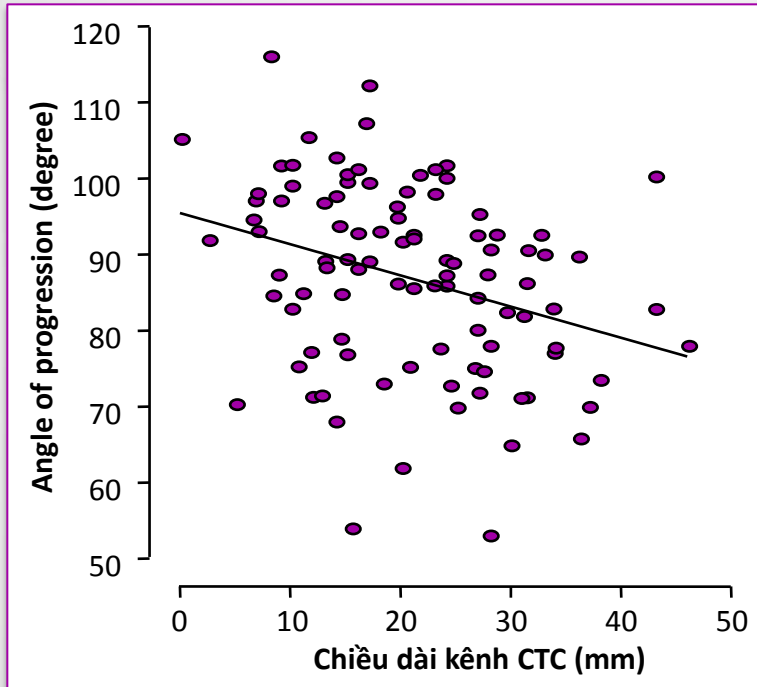
Sinh ngã âm đạo ở 66 (66.7%)

MLT ở 33 (33.3%)

Mục tiêu- Đánh giá giá trị tiềm năng của chiều dài kênh CTC trước CD, siêu âm đàn hồi CTC và đo góc độ tiến triển cho việc tiên lượng sinh ngã âm đạo và khoảng thời gian chuyển dạ sinh

Góc độ tiến triển (AOP) và SA đàn hồi trước CD

Mối tương quan với chiều dài kênh CTC



- Có mối tương quan chặt chẽ với chiều dài kênh CTC
- AOP & siêu âm đàn hồi không cung cấp thêm dự đoán cho sinh ngã âm đạo



KPCD ở tuổi thai 37⁺⁰ - 42⁺⁶ tuần

Chỉ số Bishop
Chỉ số CTC

131 thai kỳ đơn thai

Loại 24 bệnh nhân vì tiền căn MLT, xuất huyết âm đạo trước sinh, BXĐC...

CD hoạt động: 93 (86.9%)

- 86 sinh ngã âm đạo
- 7 MLT (5 ca CD ngưng tiến triển, 2 ca suy thai trong CD)

14 ca MLT do KPCD thất bại (13.1%)

Mục tiêu- Đánh giá vai trò của siêu âm ngã âm đạo để tiến hành siêu âm đàn hồi đánh giá chỉ số CTC, từ đó tiên lượng kết cục sinh
So sánh hiệu quả của chỉ số này với chỉ số Bishop ở những sản phụ được KPCD

Chỉ số Bishop và chỉ số CTC

Tiền lượng KPCD



Chỉ số Bishop

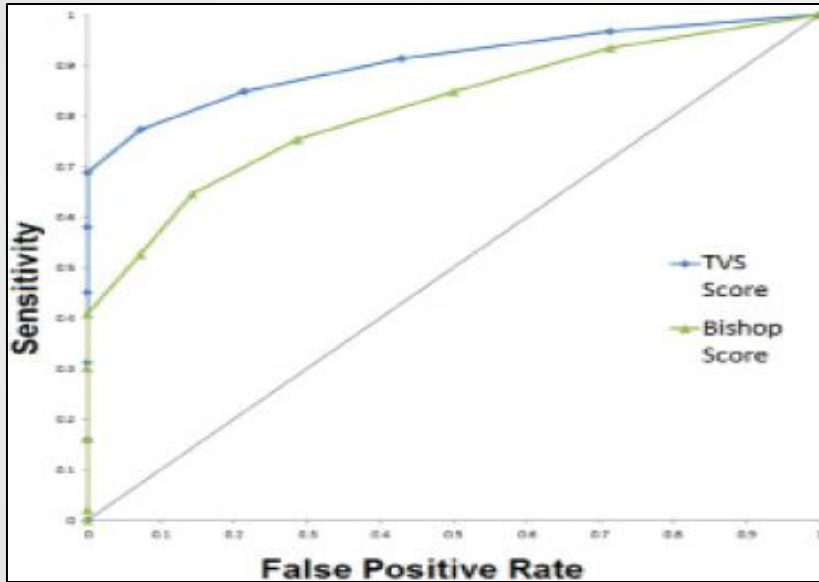
Score	0	1	2
Dilatation of cervix	< 1 cm	1- 2 cm	>1 cm
Cervical length	>2 cm	1- 2 cm	< 1 cm
Position of cervix	Posterior	Mid	Anterior
Consistency of cervix	Firm	Soft	Soft and stretchable
Station of Head	≥ -2	-1	≥0

Chỉ số CTC

Score	0	1	2
Cervical length	>3 cm	2-3 cm	< 2 cm
Funnel length	Absent	≤ 0.5 cm	>0.5 cm
Funnel width	Absent	≤ 0.5 cm	>0.5 cm
Position of cervix	Curved	-	Straight
Distance of presenting part to external os	>3 cm	2-3 cm	< 2cm

Chỉ số Bishop và chỉ số CTC

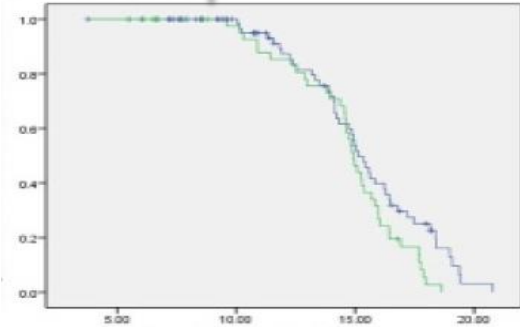
Tiên lượng CD hoạt động và sinh ngã âm đạo



Scoring methods	DR (%)	FPR (%)	LR+	LR-	AUC
Bishop score >4	64.5	14.3	4.5	0.4	0.815
Cervical score >4	77.4	7.1	10.8	0.2	0.907

Chỉ số Bishop

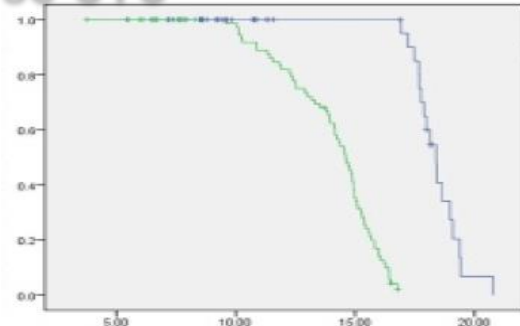
Tỷ lệ phụ nữ chưa sinh nở



Thời gian từ lúc KPCD đến khi sinh

Chỉ số CTC

Tỷ lệ phụ nữ chưa sinh nở



Thời gian từ lúc KPCD đến khi sinh



Kết luận

- Đánh giá chiều dài kênh CTC có thể giúp tiên lượng được kết quả chuyển dạ ở những trường hợp KPCD
- Đánh giá chỉ số CTC tốt hơn chỉ số Bishop trong tiên lượng kết cục chuyển dạ
- Siêu âm đàn hồi CTC và đo góc AOP có giá trị giới hạn trong tiên lượng KPCD thành công